

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 833/2025/DS-ST

Ngày 05 tháng 6 năm 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lang
2. Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Bá Thứ, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 2505/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A**

Địa chỉ: 22 N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn L - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương T hoặc ông Nguyễn M hoặc ông Trần V (Giấy ủy quyền số 9256/UQ-PVB ngày 15/11/2024) (Ông T, ông M và ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Lầu 2, 264E L, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Đào B**, sinh năm: xxxx (Vắng mặt).

Địa chỉ: 86 X, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/01/2018, bà Đào B đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) Hợp đồng cho vay số 10/2018/HĐTD/PVB-PGD.BC. Theo nội dung hợp đồng, Ngân hàng A đã cho bà B vay khoản tiền chi tiết như sau:

Khế ước nhận nợ: số 01 ngày 22/01/2018

- Số tiền cho vay: 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

- Số tiền giải ngân: 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

- Ngày giải ngân: 22/01/2018.

- Thời hạn vay: 48 tháng.

- Mục đích sử dụng vốn: Vay mua ô tô tải phục vụ kinh doanh.

- Lãi suất: Lãi suất ưu đãi 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 8.8%/năm.

Lãi suất cho vay thời gian tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + 4.3%/năm. Trong đó, lãi suất cơ sở là lãi suất Tiền gửi sản phẩm Đại Chúng, kỳ hạn 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ theo Biểu lãi suất tiền gửi đối với khách hàng cá nhân tại Ngân Hàng niêm yết từng thời kỳ.

- Kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc được chia thành 48 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, trả vào ngày 22 hàng tháng, cụ thể từ kỳ thứ 01 đến kỳ thứ 47 trả 4.167.000 (bốn triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng)/kỳ. Kỳ thứ 48 trả 4.151.000 (bốn triệu một trăm năm mươi một ngàn) đồng. Kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 22/ 02/2018.

- Kỳ hạn trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 12. Ngày trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 22/02/2018.

Để bảo đảm cho các khoản vay, bà Đào B đã ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10/2018/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 09/01/2018 để thế chấp xe ô tô tải (thùng kín) hiệu DFSK, số khung: xxxxxxxxxxxx, số máy: xxxxxxxxxxxx, biển kiểm soát: xxx - xxx.xx theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số xxxxxx do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/12/2017 cho bà Đào B.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/01/2018, số đăng ký 1275097374.

Bà B đã nhận đủ số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 22/01/2018. Quá trình thực hiện các Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, bà Đào B đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết. Ngày 10/02/2020, Ngân hàng A đã gửi cho bà Đào B Thông báo số 389/TB-PVB về việc vi phạm nghĩa vụ và thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của bà B. Ngày 11/11/2024, Ngân hàng A

đã ban hành văn bản số 9139/PVB gửi tới bà B thông báo về việc Ngân hàng A sẽ khởi kiện bà B tại Tòa án có thẩm quyền.

Tính đến ngày 16/4/2025, bà B đã thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền là 94.749.510 (chín mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm mười đồng, trong đó tiền gốc là 70.974.238 (bảy mươi triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi tám) đồng và tiền lãi là 23.775.272 (hai mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi hai) đồng.

Nay, Ngân hàng A yêu cầu bà Đào B phải thanh toán cho Ngân hàng A một lần ngay sau khi án có hiệu lực tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/4/2025 là 268.149.490 (hai trăm sáu mươi tám triệu một trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm chín mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 129.025.762 (một trăm hai mươi chín triệu không trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi hai) đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 16/4/2025 là 139.123.728 (một trăm ba mươi chín triệu một trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm hai mươi tám) đồng.

Bà B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 17/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại Hợp đồng cho vay số 10/2018/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 09/01/2018 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 22/01/2018.

Trường hợp bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô tải (thùng kín) hiệu DFSK, 01 xe ô tô tải (thùng kín) hiệu DFSK, số loại EQ1021GF24Q7/VT/TK, số khung: xxxxxxxxx, số máy: xxxxxxxx, biển kiểm soát: xxx - xxx.xx theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số xxxxxx do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/12/2017 cho bà Đào B để thu hồi nợ.

Ngân hàng A chỉ yêu cầu cá nhân bà B thanh toán nợ, không yêu cầu đưa thêm bất cứ người nào vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn - bà Đào B vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập và niêm yết hợp lệ. Bà B cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên, cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu

bị đơn thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 05/6/2025 là 271.703.249 (hai trăm bảy mươi một triệu bảy trăm lẻ ba ngàn hai trăm bốn mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 129.025.762 (một trăm hai mươi chín triệu không trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi hai) đồng.

- Nợ lãi tính đến ngày 05/6/2025 là 142.677.487 (một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm tám mươi bảy) đồng, trong đó lãi trong hạn là 21.565.386 (hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn ba trăm tám mươi sáu) đồng, lãi quá hạn là 110.215.511 (một trăm mười triệu hai trăm mười lăm ngàn năm trăm mười một) đồng, lãi phạt là 10.896.590 (mười triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm chín mươi) đồng.

Bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 06/6/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại Hợp đồng cho vay số 10/2018/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 09/01/2018 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 22/01/2018.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô tải (thùng kín) hiệu DFSK, 01 xe ô tô tải (thùng kín) hiệu DFSK, số loại xxxxxxxxxx, 02 chỗ, màu trắng, số khung: xxxxxxxxxx, số máy: xxxxxxxx, biển kiểm soát: xxx – xxx.xx theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số xxxxxx do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/12/2017 cho bà Đào Thị B để thu hồi nợ.

Bị đơn - Bà Đào B vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập xét xử hợp lệ và cũng không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa.

Tại phần tranh luận,

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát thực hiện

theo đúng quy định; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.. Tuy nhiên, Thẩm phán còn chưa đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

1.3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Tòa đã tổng đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 13/5/2025 và lần 2 mở ngày 05/6/2025 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không

lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời trình bày của đương sự thì bà Đào B đã ký với Ngân hàng A hợp đồng cho vay số 10/2018/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 09/01/2018. Hợp đồng này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, các bên đều hoàn toàn tự nguyện khi ký kết hợp đồng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà B đã nhận đủ số tiền là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng vào ngày 22/01/2018 theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 22/01/2018 nhưng lại vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ gốc và nợ lãi đúng theo thỏa thuận.

Bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng A. Do vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà B thanh toán một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 05/6/2025 là 271.703.249 (hai trăm bảy mươi một triệu bảy trăm lẻ ba ngàn hai trăm bốn mươi chín) đồng và tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 06/6/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng cho vay số 10/2018/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 09/01/2018 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 22/01/2018 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ

Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 11/2018/HĐBĐ/PVB-PGD.BC được ký ngày 09/01/2018 giữa Ngân hàng A và bà Đào B, được lập thành văn bản, có đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh vì vậy hợp đồng thế chấp này có giá trị pháp lý. Và cũng theo đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải (thùng kín) hiệu DFSK, 01 xe ô tô tải (thùng kín) hiệu DFSK, số khung: xxxxxxxxxxxxxxxx, số

máy: xxxxxxxxxxxxxx, biển kiểm soát: xxx – xxx.xx theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số xxxxxxxx do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/12/2017 để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay số 10/2018/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 09/01/2018, Khế ước nhận nợ số 01 ngày 22/01/2018 theo quy định tại Điều 319, khoản 1 Điều 299, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015.

Bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình tố tụng giải quyết vụ án nhưng bà B vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và xét xử. Cho thấy, bà B đã tự từ bỏ quyền lợi tố tụng của mình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thiết nghĩ yêu cầu của Ngân hàng A hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận toàn bộ theo như ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, cần buộc bà Đào B phải thanh toán cho Ngân hàng A một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền 271.703.249 (hai trăm bảy mươi một triệu bảy trăm lẻ ba ngàn hai trăm bốn mươi chín) đồng; kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà B còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng cho vay số 10/2018/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 09/01/2018 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 22/01/2018. Trong trường hợp bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải (thùng kín) hiệu DFSK, 01 xe ô tô tải (thùng kín) hiệu DFSK, số khung: xxxxxxxxxxxxxxxx, số máy: xxxxxxxxxxxx, biển kiểm soát: xxx.xx.xx theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số xxxxxxxx do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/12/2017 để thu hồi nợ.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí dân sự sơ thẩm là 13.585.162 (mười ba triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi hai) đồng, bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.443.000 (sáu triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0054350 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 299, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Đào B thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A ngay một lần tổng số tiền còn nợ là 271.703.249 (hai trăm bảy mươi một triệu bảy trăm lẻ ba ngàn hai trăm bốn mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 129.025.762 (một trăm hai mươi chín triệu không trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi hai) đồng.

- Nợ lãi tính đến ngày 05/6/2025 là 142.677.487 (một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm tám mươi bảy) đồng, trong đó lãi trong hạn là 21.565.386 (hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn ba trăm tám mươi sáu) đồng, lãi quá hạn là 110.215.511 (một trăm mười triệu hai trăm mười lăm ngàn năm trăm mười một) đồng, lãi phạt là 10.896.590 (mười triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm chín mươi) đồng.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng cho vay số 10/2018/HĐTD/PVB-PGD.BC ngày 09/01/2018 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 22/01/2018. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách

hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

Ngay sau khi bà B thanh toán hết nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam có trách nhiệm giải chấp, trả lại cho bà B bản chính Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 064673 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Nghệ An cấp cho bà Đào Thị B ngày 28/12/2017.

Trường hợp bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải (thùng kín) hiệu DFSK, số khung: xxxxxxxxxxxxxx, số máy: xxxxxxxxxxxxxx, biển kiểm soát: xxx - xxx.xx theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số xxxxxx do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/12/2017 cho bà Đào B để thu hồi nợ.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 13.585.162 (mười ba triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi hai) đồng, bà Đào B phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.443.000 (sáu triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0054350 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án xử công khai. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi Cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương

